

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 101b/QĐ-ĐHNT ngày 09 tháng 08 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Trãi)*

Tên chương trình: **NGÔN NGỮ NHẬT**
Tên tiếng Anh: **JAPANESE LANGUAGE**
Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**
Ngành đào tạo: **NGÔN NGỮ NHẬT**
Mã ngành đào tạo: **7220209**
Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

1. Mục tiêu đào

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Nhật có được kiến thức cơ bản và mang tính hệ thống về tiếng Nhật, gắn kết các kiến thức lý thuyết với định hướng thực hành, áp dụng và thực tế công việc; Bước đầu có những định hướng nhất định về các kiến thức chuyên ngành, tiếp cận các vấn đề mang tính thời sự, cập nhật liên quan tới lĩnh vực chuyên môn mình quan tâm như thương mại, du lịch... của Việt Nam, Nhật Bản và các nước khác trên thế giới.

Có được kiến thức nền tảng, kỹ năng thực hành cùng phương pháp nghiên cứu, ứng dụng ngôn ngữ vững chắc để có thể tự bổ sung kiến thức khi thâm nhập vào thực tế công tác hoặc nghiên cứu ở những cấp học cao hơn ở trong và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.2.1 Về kiến thức

Có năng lực trình độ tiếng Nhật đạt bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương mức độ N2 trong kỳ thi năng lực tiếng Nhật của Nhật Bản). Có thể đọc hiểu các văn bản dài chứa đựng nhiều nội dung thông tin ở nhiều lĩnh vực. Có thể diễn đạt trôi chảy, dùng nghỉ đúng lúc, tìm từ ngữ diễn đạt thích hợp để phát triển mạch thoại. Có thể sử dụng ngôn ngữ hiệu quả và linh hoạt phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn. Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản. Thông qua việc tiếp thu kiến thức về văn hóa – xã hội, người học phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, nghiên cứu liên ngành và kỹ năng tranh luận, nâng cao vốn từ vựng, các kỹ năng tiếng Nhật;

1.2.2 Về kỹ năng

Có kỹ năng thực hành tiếng Nhật và kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan tới chuyên ngành. Có khả năng sử dụng tốt ngôn ngữ Nhật, biết diễn đạt ý tứ của vấn đề ở dạng nói và viết một cách rõ ràng, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, phù hợp về văn phong, có khả năng biên tập tốt; Có khả năng áp dụng những khái niệm lý thuyết và kỹ năng chuyên môn, sử dụng sáng tạo vào các tình huống khác nhau.

Sinh viên được trang bị kỹ năng mềm và các kỹ năng cần thiết trong công việc như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng xử lý các vấn đề thực tiễn. Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả biên phiên dịch tiếng Nhật, biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới

1.2.3 Về thái độ

Giúp sinh viên rèn luyện thái độ tích cực, nghiêm túc, cần cù, có phẩm chất chính trị trong sáng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt. Giúp sinh viên rèn luyện ý thức làm việc tự chủ, độc lập, đề cao tính hiệu quả và làm việc theo nhóm, ý thức vươn lên trong thời đại tri thức hội nhập toàn cầu. Đồng thời nhận thức rõ về tầm quan trọng của tiếng Nhật với tư cách là một công cụ để làm việc gắn với các kiến thức chuyên môn liên quan để phát triển nghề nghiệp, phát triển cá nhân và xây dựng cộng đồng, xây dựng xã hội, đất nước.

1.2.4 Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, các cử nhân có thể đảm nhận các vị trí sau:

+ Phiên dịch, biên dịch tiếng Nhật: Thực hiện nhiệm vụ biên phiên dịch tiếng Nhật trong các lĩnh vực kinh doanh, công nghệ thông tin, đào tạo...

+ Điều phối viên / Chuyên viên / Thư ký văn phòng / Trợ lý giám đốc / Trợ lý đối ngoại: Sử dụng tiếng Nhật Bản để làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương, các Bộ, các ngành hữu quan của Việt Nam, tổ chức kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam có làm việc với Nhật Bản, các doanh nghiệp, tổ chức Nhật Bản...

+ Nghiên cứu viên: Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu trong các trung tâm, đơn vị nghiên cứu về Nhật Bản học trong và ngoài nước.

+ Giảng dạy: Tham gia vào các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Nếu người học hoàn thành thêm khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm thì có thể tham gia vào giảng dạy ngoại ngữ trong các trường phổ thông trong tương lai, khi tiếng Nhật được đưa vào giảng dạy tại bậc phổ thông.

1.2.5 Trình độ ngoại ngữ

- Yêu cầu trình độ ngoại ngữ đối với sinh viên tốt nghiệp:

a) Ngoại ngữ 1 (Tiếng Nhật): Đạt trình độ tương đương N2

b) Ngoại ngữ 2 (Tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung): Đạt trình độ A1 theo khung đánh giá năng lực chuẩn Châu Âu (đối với tiếng Anh), trình độ Topik 1 theo khung đánh giá năng lực của chính phủ Hàn Quốc (đối với tiếng Hàn), trình độ HSK 1 theo tiêu chuẩn năng lực tiếng Trung quốc tế (đối với tiếng Trung Quốc).

1.2.6 Trình độ tin học

Sử dụng thành thạo máy tính cho công tác văn phòng thông qua các phần mềm (phần mềm Microsoft Word, Excel, PowerPoint), khai thác thông tin qua mạng phục vụ hiệu quả cho công tác quan hệ quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật

2.1 Kiến thức

- Sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới.

- Về kiến thức giáo dục đại cương:

+ Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội;

+ Nắm được các kiến thức xã hội cơ bản liên quan đến ngành đào tạo như Cơ sở văn hóa Việt Nam, Pháp luật đại cương;

- Về kiến thức cơ sở khối ngành:

+ Nắm được các vấn đề về lý thuyết về dẫn luận ngôn ngữ, ngôn ngữ học đối chiếu, lý thuyết tiếng gắn với thực tiễn dạy và học tiếng Nhật để làm tiền đề để vận dụng vào học, nghiên cứu các lĩnh vực chuyên môn;

- Nắm được các kiến thức cơ bản về Văn hóa, Văn học Nhật Bản và thể hiện được các kiến thức đó bằng tiếng Nhật.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về tiếng Nhật như một hệ thống, bao gồm các kiến thức về ngữ âm và âm vị học, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa và chữ viết, vận dụng được những kiến thức đó trong công việc chuyên môn như dịch thuật, nghiên cứu, giao dịch... bằng tiếng Nhật.

- Sử dụng tốt tiếng Nhật ở mức độ tương đương cấp độ N2 (cấp độ thứ 4/5 theo Chuẩn đánh giá của kỳ thi năng lực tiếng Nhật; có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu.

- Về kiến thức chuyên ngành:

+ Nắm vững và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ biên dịch và phiên dịch phục vụ công tác biên, phiên dịch tiếng Nhật.

+ Nắm vững các kiến thức cơ bản liên quan đến lĩnh vực du lịch hoặc kinh doanh bằng tiếng Nhật làm tiền đề cho công việc sau này.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng nghề

- Nắm được các kỹ năng biên, phiên dịch chuyên nghiệp.

- Nắm được kỹ năng phỏng vấn và viết thư từ giao dịch phục vụ cho việc đệ đơn, phỏng vấn tuyển dụng sau khi tốt nghiệp.

- Nắm được kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại; kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế để vận dụng vào các công việc liên quan đến quan hệ quốc tế sau này.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc nhóm: Biết và chủ động tham gia các nhóm trong các hoạt động như học tập, nghiên cứu, hoạt động đoàn thể, xã hội, chính trị; Có khả năng thành lập các nhóm nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động xã hội; Biết cách chia sẻ và phát huy vai trò của nhóm trong các hoạt động của cộng đồng.

- Kỹ năng giảng dạy và thuyết trình các vấn đề khoa học.

- Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ: Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý các tình huống chuyên môn; có thể viết được báo cáo, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Nhật.

2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự xây dựng các giải pháp và khuyến nghị từ kết quả nghiên cứu để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có khả năng suy luận và giải thích hợp lý các vấn đề nghiên cứu từ góc độ Quốc tế học và các khoa học liên ngành.

- Có khả năng tự chủ, linh hoạt trong việc tìm các giải pháp, đương đầu với rủi ro và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro đã gây ra liên quan đến các vấn đề quan hệ quốc tế.

- Sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, trân trọng các giá trị đạo đức của dân tộc, hiểu biết vai trò của Quốc tế học để nâng cao giá trị của cuộc sống.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 136 tín chỉ (TC), không bao gồm phần nội dung về Giáo dục thể chất (3TC) và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (8 TC).

- Thời gian đào tạo: 4 năm

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	75
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Khoa học xã hội	8
1.3	Ngoại ngữ 1 sơ cấp (<i>Tiếng Nhật</i>)	18
	Ngoại ngữ 1 sơ cấp 1	9
	Ngoại ngữ 1 sơ cấp 2	9
1.4	Ngoại ngữ 1 Trung cấp (<i>Tiếng Nhật</i>)	29
	Ngoại ngữ 1 Trung cấp 1	13
	Ngoại ngữ 1 Trung cấp 2	16
1.5	Ngoại ngữ 2 sơ cấp (<i>chọn Tiếng Anh, Hàn hoặc Trung</i>)	9
	Ngoại ngữ 2 sơ cấp 1	9
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	43
2.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	32
2.2	Kiến thức chuyên ngành	11
3	Các môn học kỹ năng	4
5	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	14
Tổng số:		136

4. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và đủ điểm xét tuyển học bạ hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT Quốc gia theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Nguyễn Trãi đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hàng năm.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp áp dụng Được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 và các quy định hiện hành của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

6. Cách thức đánh giá

- Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để giảng viên cho điểm thành phần của mỗi học phần.

- Riêng thực tập và khóa luận tốt nghiệp phải đạt từ điểm C trở lên mới coi là đạt.

Kết quả	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Từ 8,5 đến 10	A	4
	Từ 7,0 đến 8,4	B	3
	Từ 5,5 đến 6,9	C	2
	Từ 4,0 đến 5,4	D	1
Không đạt	Dưới 4,0	F	0

7. Nội dung chương trình

7.1 Nội dung chương trình phân theo khối kiến thức

STT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức			Môn học tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1		Kiến thức giáo dục đại cương	75	505	620	2250	
1.1		Lý luận chính trị	11	165	0	330	
1	POT 01	Triết học Mác-Lênin	3	45		90	
2	POT 02	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2	30		60	POT 01
3	POT 03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		60	POT 02
4	POT 04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		60	POT 03
5	POT 05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30		60	POT 04
1.2		Khoa học – Xã hội	8	80	40	240	
6	CULVN	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	20	10	60	
7	LAW	Pháp luật đại cương	2	20	10	60	
8	VLI	Dẫn luận ngôn ngữ	2	20	10	60	
9	VLC	Ngôn ngữ học đối chiếu	2	20	10	60	VLI, FL01-103

1.3		<i>Ngoại ngữ 1(tiếng Nhật)</i>	47	215	490	1410	
10	FL01-101	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1	3	20	25	90	
11	FL01-102	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2	3	15	30	90	FL01-101
12	FL01-103	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3	3	15	30	90	FL01-102
13	FL01-201	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1	3	15	30	90	FL01-103
14	FL01-202	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2	3	15	30	90	FL01-201
15	FL01-203	Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3	3	15	30	90	FL01-202
16	FL01-301	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.1	3	15	30	90	FL01-203
17	FL01-302	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.2	3	15	30	90	FL01-301
18	FL01-303	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.3	3	15	30	90	FL01-302
19	FL01-304	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 1.4	4	15	45	120	FL01-303
20	FL01-401	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.1	4	15	45	120	FL01-304
21	FL01-402	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.2	4	15	45	120	FL01-401
22	FL01-403	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.3	4	15	45	120	FL01-402
23	FL01-404	Ngoại ngữ 1 - Trung cấp 2.4	4	15	45	120	FL01-403
1.4		<i>Ngoại ngữ 2</i>	9	45	90	270	
24	FL02-101	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1	3	15	30	90	
25	FL02-102	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2	3	15	30	90	FL02-101
26	FL02-103	Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3	3	15	30	90	FL02-102
1.5		<i>Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất</i>	11	122	88	420	
27	PHY1	Giáo dục thể chất	3	45		90	
28	MIL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8	77	88	330	
2		<i>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</i>	43	187	458	1290	
2.1		<i>Kiến thức cơ sở khối ngành</i>	30	132	318	900	
		<i>Các môn bắt buộc</i>	27	117	288	810	
29	REM	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15	15	60	
30	JJP	Lý thuyết tiếng gắn với thực tiễn dạy và học tiếng Nhật	3	20	25	90	FL01-303
31	JCU	Văn hóa Nhật Bản qua các thời kì	2	10	20	60	JIN
32	JLI	Văn học Nhật Bản- tác giả và tác phẩm tiêu biểu	2	10	20	60	FL01-401,JJV1
33	JJV1	Dịch Nhật-Việt cơ sở	3	10	35	90	FL01-303
34	JJV2	Dịch Nhật-Việt nâng cao	3	10	35	90	JJV1, JVJ1
35	JVJ1	Dịch Việt- Nhật cơ sở	3	10	35	90	FL01-303
36	JVJ2	Dịch Việt- Nhật nâng cao	3	10	35	90	JJV1, JVJ1

37	JJE	Thư tín Email bằng tiếng Nhật	3	12	33	90	FL01-303
38	JJO	Tiếng Nhật văn phòng	3	10	35	90	JJV1, JVJ1
		Các môn tự chọn (chọn 01/04 môn sau)	3	15	30	90	
39	JIN	Văn hóa giới trẻ Nhật Bản	3	15	30	90	FL01-303
	JCO	Tiếng Nhật trong giao dịch nội bộ và với bên ngoài (Uchi và Soto)	3	15	30	90	JJV1, JVJ1
	JIR	Tư tưởng tôn giáo Nhật Bản	3	15	30	90	JJV1, JVJ1
	JYC	Phỏng vấn xin việc vào công ty	3	15	30	90	JJV1, JVJ1
2.2		Kiến thức theo hướng chuyên ngành (chọn một trong 2 chuyên ngành sau)	13	55	140	390	
		Tiếng Nhật trong lĩnh vực du lịch	13	55	140	390	
40	JTO1	Nhập môn tiếng Nhật du lịch 1,2	3	20	25	90	JCU, JJV1, JVJ1
41	JTO2	Tiếng Nhật trong các khách sạn, nhà hàng	4	15	45	120	JTO1
	JTO3	Tiếng Nhật tại một số điểm tham quan nổi tiếng					
42	JTO4	Những vấn đề trong du lịch Việt Nam đối với khách hàng Nhật	3	10	35	90	JTO1
43	JTO5	Dịch, giới thiệu ẩm thực, đặc sản nổi tiếng và các địa danh nổi tiếng của Việt Nam cho khách hàng Nhật	3	10	35	90	JTO1, JVJ2
		Tiếng Nhật trong lĩnh vực kinh doanh	13	55	140	390	
40	JBU1	Đại cương về kinh doanh	3	20	25	90	JJV1, JVJ1, JJE, JJO
41	JBU2	Tiếng Nhật trong giao dịch thương mại	4	15	45	120	JBU1
42	JBU3	Nhập môn về kế toán trong công ty Nhật	3	10	35	90	JBU1
43	JBU4	Dịch trong lĩnh vực thương mại	3	10	35	90	JBU1
3		Các môn học Kỹ năng nghề	4	20	40	120	
44	SPED101	Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế	2	10	20	60	
45	SPED102	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại	2	10	20	60	
4		Thực tập tốt nghiệp, làm khóa luận hoặc thi tốt nghiệp	14	0	210	420	
46	PRC	Thực tập tốt nghiệp	4		60	120	
47	GRT	Khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp	10		150	300	
		Tổng cộng	136	712	1328	4080	

7.2. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 1	15
1	Tiếng Nhật sơ cấp 1.1	3
2	Tiếng Nhật sơ cấp 1.2	3
3	Tiếng Nhật sơ cấp 1.3	3
4	Pháp luật đại cương	2
5	Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế	2
6	Phương pháp NCKH	2
7	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	4.5

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 2	24
1	Tiếng Nhật sơ cấp 2.1	3
2	Tiếng Nhật sơ cấp 2.2	3
3	Tiếng Nhật sơ cấp 2.3	3
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2
5	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại	2
6	Triết học Mác-Lênin	3
7	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
10	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 3	20
1	Tiếng Nhật Trung cấp 1.1	3
2	Tiếng Nhật Trung cấp 1.2	3
3	Tiếng Nhật Trung cấp 1.3	3
4	Tiếng Nhật Trung cấp 1.4	4
5	Dẫn luận ngôn ngữ	2
6	Ngôn ngữ học đối chiếu	2
7	Giáo dục thể chất (*)	3
8	Văn hóa giới trẻ Nhật Bản	3
	Tiếng Nhật trong giao dịch nội bộ và với bên ngoài (Uchi và Soto)	
	Tư tưởng tôn giáo Nhật Bản	
	Phỏng vấn xin việc vào công ty	

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 4	27
1	Tiếng Nhật trung cấp 2.1	4
2	Tiếng Nhật trung cấp 2.2	4
3	Tiếng Nhật trung cấp 2.3	4
4	Tiếng Nhật trung cấp 2.4	4
	Tiếng Nhật văn phòng	3
5	Văn hóa Nhật Bản qua các thời kỳ	2
6	Lý thuyết tiếng gắn với thực tiễn dạy và học tiếng Nhật	3
7	Dịch Nhật - Việt (cơ sở)	3
8		

STT	MÔN HỌC	SỐ TC	STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 5	17		HỌC KỲ 6	19
1	Ngoại ngữ 2 sơ cấp 1.1	3	1	Dịch Nhật - Việt (nâng cao)	3
2	Ngoại ngữ 2 sơ cấp 1.2	3	2	Dịch Việt-Nhật (nâng cao)	3
3	Ngoại ngữ 2 sơ cấp 1.3	3	3	Đại cương về kinh doanh	3
4	Dịch Việt- Nhật (cơ sở)	3	4	Tiếng Nhật trong giao dịch thương mại	4
5	Văn học Nhật bản - Tác gia và tác phẩm tiêu biểu	2	5	Nhập môn về kế toán trong công ty Nhật	3
6	Thư tín/Email bằng tiếng Nhật	3	6	Dịch trong lĩnh vực thương mại	3

STT	MÔN HỌC	SỐ TC
	HỌC KỲ 7	14
1	Thực tập tốt nghiệp	4
2	Khóa luận tốt nghiệp	10

7.3. Mô tả nội dung môn học

7.3.1 Triết học Mác – Lê nin (3 tín chỉ)

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lê nin, và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề về vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

7.3.2 Kinh tế chính trị Mác – Lê nin (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 6 chương: trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

7.3.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

7.3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

7.3.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

7.3.6. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: không

- *Nội dung môn học*: Trang bị những kiến thức cơ bản về văn hóa nói chung, tập trung giới thiệu văn hóa Việt Nam cùng với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Giới thiệu bản sắc văn hóa Việt Nam thông qua các thành tố văn hóa: Văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội của các tộc người, trong đó tộc người Kinh giữ vai trò chủ thể và cùng với các tộc người khác tạo nên các đặc điểm của các vùng văn hóa cùng tồn tại và phát triển trong các khu vực địa lí của Việt Nam.

- *Tài liệu học tập*: Cơ sở văn hóa Việt Nam-nxb Giáo dục 2004

7.3.7. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

- *Nội dung*: Giới thiệu một số nội cơ bản về pháp luật đại cương; tập trung nghiên cứu các loại hình tổ chức doanh nghiệp; pháp luật về thủ tục thành lập, đăng ký kinh doanh, thủ tục giải thể, thủ tục chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi doanh nghiệp; chế độ pháp lý về quản trị, điều hành doanh nghiệp; chế độ pháp lý về vốn, tài sản của doanh nghiệp; quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, chủ sở hữu doanh nghiệp trong quá trình thành lập, hoạt động và giải thể doanh nghiệp; một số vấn đề cơ bản liên quan đến hợp đồng kinh tế như ký kết hợp đồng, hiệu lực thi hành và giải quyết tranh chấp.

7.3.8. Dẫn luận ngôn ngữ (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như bản chất kí hiệu của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói, giữa ngôn ngữ và tư duy... Phân biệt các bình diện nghiên cứu ngôn ngữ như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ dụng...Cung cấp một số thao tác, kỹ năng đơn giản để nhận rõ và phân biệt được hệ thống và cấu trúc của ngôn ngữ, nhận diện và miêu tả các đơn vị ngữ pháp, phân tích ngữ âm học, miêu tả ngữ âm học và phân xuất âm vị, để chuẩn bị đi vào những môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ học chuyên ngành tiếp sau.

- *Tài liệu học tập*: Nhập môn ngôn ngữ học lý thuyết- Nhà xuất bản GD 1996, Dẫn luận ngôn ngữ học Nhà xuất bản GD 2002

7.3.9. Ngôn ngữ học đối chiếu (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành tiếng Nhật sơ cấp 1 và Dẫn luận ngôn ngữ

- *Nội dung môn học*: Cung cấp các kiến thức cơ bản, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong nghiên cứu so sánh đối chiếu các ngôn ngữ nói chung. Giới thiệu khái quát những đặc trưng về loại hình của tiếng Việt và tiếng Nhật, thông qua các ví dụ cụ thể về một số đề tài so sánh đối chiếu giữa tiếng Việt và tiếng Nhật, giúp sinh viên làm quen với thao tác so sánh đối chiếu trong khi học tiếng Nhật và có được các phương pháp, các kiến thức lý luận khi tiến hành so sánh đối chiếu giữa tiếng Nhật và tiếng Việt, góp phần giúp sinh viên hiểu sâu hơn tiếng mẹ đẻ và tiếng Nhật trong quá trình học thực hành cũng như tiến hành so sánh đối chiếu về mặt ngôn ngữ học giữa tiếng Việt và tiếng Nhật.

- *Tài liệu học tập*: Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á-trường ĐHSPNN Hà Nội 1992

7.3.10. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.11. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.12. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

Về ngữ âm: giới thiệu cho sinh viên về hệ thống ngữ âm và biết cách phát âm đúng các âm tiết mở, các âm tiết đặc thù trong tiếng Nhật thông qua các kiến thức nhập môn về chữ viết, phát âm của tiếng Nhật; Giúp sinh viên có thể hội thoại đơn giản đúng trọng âm, ngữ điệu và nghe được những lời thoại đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng.

Về từ vựng và đề tài: Trang bị khoảng 800 từ vựng cơ bản, 120 chữ Hán gắn với những đề tài gần gũi, thiết thực trong cuộc sống như giới thiệu bản thân, gia đình, trường lớp; Về những tập tục thói quen của nói mình ở, mình đến; bàn về những sự kiện xảy ra trong cuộc sống...

Về ngữ pháp: Cung cấp khoảng 140 mẫu câu ở mức độ sơ cấp với một số nội dung như sử dụng cách nói lịch sự với vị ngữ kết thúc bằng desu/masu. Các loại động từ cơ bản, các dạng biến hình cơ bản của động từ, các dạng biến hình cơ bản của tính từ, các giới từ cơ bản trong cấu trúc danh ngữ làm chủ ngữ bổ ngữ... câu tường thuật, câu đề nghị nhờ vả ở dạng đơn.

- *Tài liệu học tập*: スリーエーネットワーク編集 (2012) 「みんなの日本語初級 I 第 2 版本冊」、「基本漢字 500Vol.1」、「みんなの日本語初級 I 第 2 版標準問題集」、「みんなの日本語初級 II 第 1 版書いて覚える文型練習帳」、まるごと入門かつどう・りかい

7.3.13. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.1 (3 tín chỉ)

7.3.14. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.2 (3 tín chỉ)

7.3.15. Ngoại ngữ 1 - Sơ cấp 2.3 (3 tín chỉ)

Tiếp tục trang bị cho sinh viên thêm khoảng 1000 từ vựng, 380 chữ Hán đa số là từ vựng cơ bản sử dụng trong cuộc sống sinh hoạt như gia đình, bản thân, đất nước, thành phố, nhà ở, thực phẩm...

Về ngữ pháp: Tiếp tục cung cấp khoảng 120 mẫu câu và các biểu đạt chứa các dạng biến hình còn lại trong 17 dạng thức biến hình của động từ thường vẫn được giảng dạy trong các tài liệu sơ- trung cấp như dạng điều kiện, dạng bị động, dạng sai khiến bị động...

Như vậy sinh viên sẽ có được tổng từ vựng ở bậc 2 là 2000 từ (500 chữ Hán), khoảng 260 mẫu câu cơ bản ở bậc sơ-trung cấp. Đồng thời giúp sinh viên có thể luyện tập phát âm tương đối chuẩn, biết phân biệt ngữ điệu ở các dạng câu khác nhau.

- *Tài liệu học tập*: スリーエーネットワーク編集 (2012) 「みんなの日本語初級II第2版本冊」、
「基本漢字500Vol.2」、「みんなの日本語初級II第2版標準問題集」、「みんなの日本語初級II第
2版書いて覚える文型練習帳」、「みんなの日本語初級優しい作文」、「毎日聞き取り50日上」、ま
るごと初級1・初級2 かつどう・りかい

7.3.16. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.17. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.18. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.19. Ngoại ngữ 1- Trung cấp 1.4 (4 tín chỉ)

Tiếp tục cung cấp khoảng 1500 từ vựng, 500 chữ Hán dùng trong cuộc sống sinh hoạt thường ngày, mở rộng phạm vi giao tiếp ra ngoài xã hội thực tế, giao tiếp thoải mái hơn, đồng thời bước đầu có những từ vựng bàn đến các vấn đề thời sự chính trị xã hội ở mức độ đơn giản cũng như vốn từ vựng gắn với tâm tư tình cảm, quan niệm và suy nghĩ về cuộc sống.

Về ngữ pháp cung cấp thêm gần 130 mẫu câu mới nâng tổng số lượng mẫu câu lên khoảng 400 mẫu câu. Học phân hoàn thiện và củng cố 17 dạng thức hoạt động cơ bản của động từ trong các cấu trúc câu khác nhau: Câu có các thành phần mở rộng, câu chứa nhiều mệnh đề với các dạng thức biến hình giữa câu và kết thúc câu... Và cung cấp thêm nhiều các từ tình thái, các cách nói gần gũi với thực tế cuộc sống và biểu đạt thông thường của người Nhật.

Khác với trình độ sơ cấp và sơ - trung cấp trước đó là các mẫu câu thường tập trung vào các cặp thoại nhỏ, đơn giản, từ Học phần này trở đi, Chương trình cung cấp thêm nhiều các từ tình thái, các cách nói gần gũi với thực tế cuộc sống và biểu đạt thông thường của người Nhật.

Về ngữ âm: luyện tập cách đọc trọng âm của từ phức, cụm từ. Lưu ý về cách phát âm các cụm từ, mệnh đề... trong câu phù hợp với ý nghĩa biểu đạt của chúng để truyền đạt thông tin thể hiện chức năng giao tiếp như điểm nhấn trong câu. Ngoài ra, luyện tập cách ngắt nghỉ, cách điều chỉnh âm lượng, trọng âm, ngữ điệu để thể hiện tình thái câu trong hội thoại.

- *Tài liệu học tập*: 「日本語能力試験公式問題集N3」、「毎日聞き取り50日上」、「みんなの日本語中級第2版本冊」、「日本語文型時点」、まるごと初中級かつどう・りかい、まるごと中級1、国際交流基金（著、編集）、日本国際教育支援協会（編集）(2012) 『日本語能力試験公式問題集 N3』凡人社、中級へ行こう、できる日本語初中級

7.3.20. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.1 (4 tín chỉ)

7.3.21. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.2 (4 tín chỉ)

7.3.22. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.3 (4 tín chỉ)

7.3.23. Ngoại ngữ 1 – Trung cấp 2.4 (4 tín chỉ)

Tiếp tục cung cấp thêm khoảng 1500 từ vựng, 500 chữ Hán và 140 mẫu câu để tạo ra được kiến thức tiếng tích lũy đến học phần này là 5000 từ vựng; 1500 chữ Hán, khoảng 450 mẫu câu, củng cố các kiến thức đã học, duy trì và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ tổng hợp cho sinh viên.

Về ngữ âm: Rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn, gần với cách phát âm của người Nhật. Đọc trôi chảy các bài viết và biết biểu đạt và nhận diện sắc thái biểu cảm cho từng loại phát ngôn. Nghe và nhận diện được các sắc thái biểu cảm trong phát ngôn của người bản ngữ trong các chương trình phát thanh, các thông báo, truyện phim và bước đầu thể hiện được biểu cảm của mình trong những tình huống tiếp xúc thực tế.

Về từ vựng: Các chủ đề được mở rộng và nâng cao dần lên từ các giao tiếp thực tế đến các vấn đề trong xã hội của Nhật Bản như văn hoá, giáo dục, khoa học, môi trường và theo đó, lượng từ vựng cũng được mở rộng thêm về các lĩnh vực này theo nguyên lý phát triển "trục đồng tâm" trong giảng dạy ngoại ngữ.

Về ngữ pháp: Với gần 300 mẫu câu cơ bản tích lũy được từ trước và gần 200 mẫu câu được tiếp tục giới thiệu ở đây, Học phần cung cấp thêm nhiều các biểu đạt tình thái, các cách nói gần gũi với thực tế cuộc sống thông thường của người Nhật, giúp hoàn thiện các cách nói cơ bản ở trình độ trung cấp và là công cụ cơ bản để giao tiếp thực tế, hiểu và nắm bắt các vấn đề của xã hội Nhật Bản, bước đầu có thể giao dịch trong công việc với người Nhật; Các công cụ ngữ pháp, các biểu đạt góp phần hướng người học đạt được năng lực không chỉ biết cách "nói thế nào" mà còn biết cách "ứng xử thế nào" và diễn đạt được suy nghĩ của mình bằng tiếng Nhật phù hợp với văn hoá giao tiếp của người Nhật.

- Tài liệu học tập: 「大学・大学院留学生の日本語（2）作文編」、「日本語文型時点」、「みんなの日本語中級本冊」、「できる日本語」「ピアで学ぶ大学生・留学生の日本語コミュニケーション」、まるごと中級 2, 嶋田和子（監修）できる日本語教材開発プロジェクト著、（2011）『出来る日本語』中級、アルク、国際交流基金（著、編集）、日本国際教育支援協会（編集）（2012）『日本語能力試験公式問題集 N3』凡人社、できる日本語中級

7.3.24. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.1 (3 tín chỉ)

7.3.25. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.2 (3 tín chỉ)

7.3.26. Ngoại ngữ 2 - Sơ cấp 1.3 (3 tín chỉ)

7.3.27. Giáo dục thể chất (3 tín chỉ)

Học phần bao gồm 3 phần: Thực hành thể dục phát triển chung; bóng chuyền, bóng rổ. Thực hành thể dục phát triển chung tập bài thể dục 56 động tác. Bóng chuyền: tập luyện những kỹ thuật cơ bản chiến thuật, luật bóng chuyền. Bóng rổ: tập luyện những kỹ thuật cơ bản, chiến thuật, luật bóng rổ; luyện tập cầu lông.

7.3.28. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)

Học phần cung cấp kiến thức về Đường lối quân sự của Đảng, Công tác quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện các kỹ năng Chiến thuật và Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK từng người trong chiến đấu tiên công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

Ghi chú:

- Ngoại ngữ 1 (Tiếng Nhật): Tổng 47 tín chỉ, Ngoại ngữ 2: Tổng 9 tín chỉ.

- Sinh viên có thể chọn tiếng Anh, tiếng Hàn hoặc tiếng Trung là ngoại ngữ 2 để học.

- Đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ do các Bộ môn ngoại ngữ, Khoa Quốc tế thực hiện theo Quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngoại ngữ của Trường Đại học Nguyễn Trãi.

- Đề cương chi tiết học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc ĐH Quốc gia chịu trách nhiệm.

7.3.29. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

- Môn học tiên quyết: Không

- Nội dung môn học: Cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến các khái niệm, đối tượng, mục tiêu, phương pháp nghiên cứu nói chung, sự phân chia các loại hình nghiên cứu, các lĩnh vực, ngành nghề trong nghiên cứu khoa học trong đó có những phương pháp thường được sử dụng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trong lĩnh vực ngôn ngữ. Giới thiệu một số phương pháp, kinh nghiệm nghiên cứu tiếng Nhật nói riêng từ góc độ người Việt, những bước cần thiết để sinh viên thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học. Giúp sinh viên biết cách trình bày và thuyết trình một công trình khoa học.

- Tài liệu học tập: Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, NXB Giáo dục Hà Nội 2005

7.3.30. Lý thuyết tiếng gắn với thực tiễn dạy và học tiếng Nhật (2 tín chỉ)

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, tiếng Nhật trung cấp 1

- Nội dung môn học: Cung cấp các kiến thức lý thuyết về ngôn ngữ học Nhật Bản gắn với thực tiễn dạy tiếng Nhật cho người nước ngoài và phương pháp học tiếng Nhật của người Việt thông qua một số nội dung: nhìn nhận lại các nội dung được giảng dạy từ góc độ ngôn ngữ học và xem xét cách đưa các vấn đề ngữ pháp vào trong giảng dạy tiếng từ góc độ thực hành ở vấn đề phân loại từ, vấn đề hoạt động của động từ, các phạm trù ngữ pháp, vấn đề câu và các từ nối, các mệnh đề.

- Tài liệu học tập: Ngữ pháp tiếng Nhật dành cho sinh viên Việt Nam-nxb Hồng Đức 2014, Các tài liệu luyện thi năng lực tiếng Nhật, 「日本語文型時点」「みんなの日本語初級 I、II 第 2 版本冊」

3.7.31. Văn hóa Nhật Bản qua các thời kì (2 tín chỉ)

- Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, Văn hóa giới trẻ Nhật Bản

- Nội dung môn học: Cung cấp vốn kiến thức cơ bản, cơ sở về văn hóa Nhật, cung cấp những từ vựng chuyên ngành gắn với tiếng Nhật và văn hóa Nhật, chủ yếu giới thiệu văn hóa theo chiều dài lịch sử, nhưng cũng dành một phần nhỏ để tiếp cận theo những vấn đề riêng, gắn với bản sắc văn hóa Nhật. Giới thiệu văn hóa Nhật Bản từ khi bắt đầu sơ khai đến thời Cận Hiện đại với những đặc thù riêng, những điểm nổi bật nhất của từng giai đoạn, thời kỳ. Cung cấp thêm kiến thức về văn hóa và địa lý vùng như văn hóa Tây và phía Đông của nước Nhật (khác với văn hóa của Việt Nam và nhiều nước phân theo Bắc-Trung-Nam)

- *Tài liệu học tập*: 「日本文化史」、「菊と刀日本文化の刑」、Văn hóa Nhật Bản những chặng đường phát triển – nxb Khoa học xã hội 2001, Văn hóa Nhật những điều không thể không biết- nxb Hồng Đức 2014

3.7.32. Văn học Nhật Bản- tác gia và tác phẩm tiêu biểu (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, dịch Nhật- Việt cơ sở

- *Nội dung môn học*: Cung cấp các kiến thức cơ bản và khái quát về văn học Nhật Bản từ thời Thượng cổ đến thời Cận Hiện đại. Lựa chọn một số tác gia và tác phẩm tiêu biểu trong lịch sử phát triển của Văn học Nhật Bản dùng làm tài liệu đọc hiểu để vừa góp phần nắm được kiến thức cơ sở của văn học Nhật Bản, thưởng thức được những cái hay cái đẹp trong văn học Nhật Bản. Với từng tác gia và tác phẩm, giới thiệu những thông tin cơ bản nhất của tác phẩm và sự phản ánh tư tưởng của thời đại, của nhà văn... vào trong tác phẩm.

- *Tài liệu học tập*: 「日本文学史」、「日本タテヨコ」、「日本文学の魅力」、

Lược sử văn hóa Nhật Bản bản dịch – NXB KHXH 1990

3.7.33. Dịch Nhật-Việt cơ sở (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Tiếng Nhật trung cấp 1

- *Nội dung môn học*: Cung cấp một số nguyên tắc trong dịch thuật từ góc độ lý luận và kinh nghiệm thực tế; rèn luyện các kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể phát huy trong hoạt động biên phiên dịch như cách ghi nhớ và theo dõi thông tin (trong dịch nói), tạo độ liên kết mạch lạc trong dịch nói/viết; Tìm phương án khả thi và phương án tối ưu trong hoạt động biên phiên dịch. Dịch viết: Giới thiệu cách tra từ, cách sử dụng các loại từ điển, trang web, trong hoạt động biên dịch. Tìm biểu đạt thích ứng tương đương nghĩa từ tiếng Nhật sang tiếng Việt qua một số ngữ cảnh tiêu biểu xuất hiện trong các nội dung học. Dịch tên gọi các tổ chức chính trị trong xã hội Nhật, hệ thống các tập đoàn, cách gọi tên các vị trí trong các công ty, nghề nghiệp, phòng ban của công ty, cách gọi tên các môn học, các phòng, khoa ban của các trường đại học của Nhật. Dịch hồ sơ giới thiệu về công ty, lý lịch của một số người Nhật.

Dịch nói: Giới thiệu các thao tác cần trong dịch nói. Dịch cách gọi tên, chức danh của các nhân vật tham gia hội thoại, những nội dung đang diễn ra trong một số bài phát biểu, nói chuyện, trao đổi... của người Nhật khi sang thăm Việt Nam. Dịch các phát ngôn thường được sử dụng trong cuộc sống và trong các văn bản chào hỏi, giới thiệu của người Nhật trong giao dịch với đối tác.

- *Tài liệu học tập*: Giáo trình nội bộ do giáo viên tự biên soạn, được thông qua nhóm làm việc và thông qua bộ môn quản lý

3.7.34. Dịch Nhật- Việt nâng cao (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở

- *Nội dung môn học*: Cung cấp các nguyên tắc đã nêu từ học phần trước, cung cấp thêm một số kinh nghiệm trong dịch thuật từ góc độ lý luận và kinh nghiệm thực tế; Rèn luyện các kỹ năng cơ bản để sinh viên có thể phát huy trong hoạt động biên phiên dịch ở mức độ cao như tạo độ liên kết mạch lạc trong dịch nói/ viết; tìm phương án khả thi và phương án tối ưu trong hoạt động biên phiên dịch.

Dịch viết: phân biệt các thuật ngữ dịch sát, dịch thoát ý, dịch tương đương qua các văn bản có độ dài lớn và nội dung phức tạp. Phân biệt quá trình dịch và sản phẩm dịch qua các thao tác cụ thể. Phân biệt chủ thể văn bản, chủ thể phát ngôn, tìm cách biểu đạt phù hợp cho từng vai phát ngôn. Dịch các thông điệp của các nhà lãnh đạo, phương châm, tôn chỉ của các công ty, trường học của Nhật. Dịch các Hợp đồng kinh tế của Nhật với phía Việt Nam.

Dịch nói: Phân tích các biểu đạt bày tỏ thái độ của người phát ngôn. Dịch một số bài phỏng vấn của các phóng viên Nhật với các nhà chính trị, nhà kinh doanh ra tiếng Việt. Sử dụng những bài nói chuyện dài, có chủ đề gắn với các hội nghị hội thảo chuyên đề làm tư liệu học tập.

- *Tài liệu học tập*: Giáo trình nội bộ do giáo viên tự biên soạn, được thông qua nhóm làm việc và thông qua bộ môn quản lý

3.7.35. Dịch Việt-Nhật cơ sở (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Tiếng Nhật trung cấp 1

- *Nội dung môn học*: Dịch viết: Phân biệt tương đương nghĩa và tương đương dịch thuật, phân biệt các hiện tượng dư thừa trong dịch thuật. Chuyển dịch số đếm từ Việt sang Nhật, dịch tên gọi các tổ chức chính trị trong xã hội Việt Nam, cách gọi tên các môn học, các phòng khoa ban của các trường Đại học của Việt Nam sang tiếng Nhật. Dịch hồ sơ giới thiệu về công ty, lý lịch xin việc bằng điểm. Phân tích thành phần câu tiếng Việt khi dịch tương ứng sang tiếng Nhật.

Dịch nói: Phân biệt cách sử dụng kính ngữ trong giao tiếp thực tế với người Nhật phù hợp với chủ thể phát ngôn và vai trò của người dịch cũng như vị trí của các bên tham gia hội thoại, đảm bảo câu chuyện phát triển logic hợp lý. Dịch một số đoạn câu ngắn thông thường hay được sử dụng trong các bài phát biểu chào mừng, đi thăm... Nhật Bản của các chính khách, doanh nghiệp Việt Nam trong tiếp xúc với đối tác Nhật. Thực tập dịch qua một số câu ngắn, một vài ngữ cảnh cụ thể đơn giản theo cách làm việc nhóm, phối hợp các vai dịch một cách đồng bộ, nhịp nhàng.

- *Tài liệu học tập*: Giáo trình nội bộ do giáo viên tự biên soạn, được thông qua nhóm làm việc và thông qua bộ môn quản lý

3.7.36. Dịch Việt- Nhật nâng cao (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, Dịch Nhật-Việt và dịch Việt-Nhật bậc cơ sở

- *Nội dung môn học*:

Dịch viết: Chú trọng thao tác phân tích thành phần câu và các cách biểu đạt trong tiếng Việt, chú trọng các thao tác loại bỏ thông tin thừa, thao tác chia tách câu ... để chọn tương đương về dịch thuật và đảm bảo truyền đạt logic, chính xác một văn bản. Học tập kinh nghiệm dịch một số thành phần câu trong tiếng Việt sang tiếng Nhật qua các văn bản dịch của người Nhật. Dịch cách văn bản Hợp đồng kinh tế, các thông điệp của các nhà lãnh đạo Việt Nam.

Dịch nói: Chú trọng đảm bảo tính trung thực trong dịch thuật, phản ứng nhanh. Rèn luyện thao tác bổ sung thông tin thiếu, cắt bỏ thông tin thừa, sắp xếp để tạo tính logic và thông điệp cần thiết của phát ngôn. Lập nhóm thuyết trình về một số chủ đề: giới thiệu trường học, về một công ty.

- *Tài liệu học tập*: Giáo trình nội bộ do giáo viên tự biên soạn, được thông qua nhóm làm việc và thông qua bộ môn quản lý

3.7.37. Thư tín Email bằng tiếng Nhật (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Tiếng Nhật trung cấp 1

- *Nội dung môn học*: Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu trúc nội dung và hình thức, văn phong của các thể loại thư tín giao dịch trong tiếng Nhật, từ mức độ đơn giản và phổ biến trong đời sống như thư cảm ơn, chúc mừng, chia buồn, thư giới thiệu về bản thân hay người thân... đến giao tiếp cụ thể trong một chuyên ngành như tư tín thương mại, giao dịch với khách hàng trong chào hàng, báo giá, đặt hàng, thực hiện đơn hàng, thanh toán, gửi và phản hồi email với khách hàng.... Nội dung các bức thư sẽ trải rộng ra nhiều loại hình, trong đó, thông qua các giao dịch cụ thể, sinh viên sẽ tập làm quen với giao dịch email, đặc biệt trong giao dịch gắn với các chủ đề thương mại nói riêng.

- *Tài liệu học tập*: 「外国人のためのビジネス敬語から社会訪問まで-ビジネス日本語 Drills」, 「仕事の日本語メールの書き方編」

3.7.38. Tiếng Nhật văn phòng (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở

- *Nội dung môn học*: Trang bị những kiến thức về văn hóa giao tiếp với người Nhật nói chung và giao tiếp trong văn phòng nói riêng như các nghi thức chào hỏi, đưa danh thiếp, cách giao tiếp qua điện thoại, cách tiếp nhận yêu cầu mệnh lệnh của cấp trên cũng như của khách hàng. Ngoài ra, môn học cũng quan tâm đến việc rèn luyện các kỹ năng hỗ trợ như cách xử lý tình huống, khả năng đối ứng, giao lưu với cấp trên đồng nghiệp, khách hàng; lưu ý sinh viên về văn hóa công sở trong các công ty Nhật, những khác biệt cần lưu ý về văn hóa giữa Việt Nam và Nhật Bản để tránh những hiểu lầm và gây xung đột ở nhiều hình thức và mức độ khác nhau, ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả công việc.

- *Tài liệu học tập*: 「新ビジネス物語」、「オフィスで使える！マナーも身につく！ビジネス日本語」 「ビジネス文書 458 文例」

3.7.39. Các môn lựa chọn (Chọn 1 trong 4 học phần)

➤ Văn hóa giới trẻ Nhật Bản (3 tín chỉ)

- *Điều kiện tiên quyết*: Tiếng Nhật trung cấp 1

- *Nội dung môn học*: Giới thiệu Văn hóa giới trẻ, tập trung vào đặc thù của Văn hóa giới trẻ Nhật Bản trong văn hóa truyền thống Nhật, cung cấp các từ vựng cơ bản có liên quan đến khái niệm này: Văn hóa truyền thống, văn hóa nhóm, văn hóa giới trẻ, Bản sắc, Thần tượng. Cung cấp các kiến thức cơ bản có liên quan đến một số loại hình văn hóa giới trẻ của Nhật Bản thường được giới thiệu ra với nước ngoài và được giới trẻ nước ngoài hâm mộ như Manga-Truyện tranh, Anime-Phim hoạt hình... giúp sinh viên tìm hiểu thêm về loại hình văn hóa này trong xã hội hiện đại của Nhật Bản.

- *Tài liệu học tập*: 「日本漫画の事典」、「日本アニメーションの力 85年の歴史を貫く2つの軸」、「世界のコミックスとコミックスの世界クローバルなマンガ研究の可能性を開くために」

➤ **Tiếng Nhật trong giao dịch nội bộ và với bên ngoài (Uchi và soto) (3 tín chỉ)**

- Môn học tiên quyết: Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở

- Nội dung môn học: Giới thiệu khái niệm Soto và Uchi trong văn hóa giao tiếp của Nhật Bản, về tinh thần ứng xử giữa các thành viên trong một cộng đồng (Uchi), phân biệt với ứng xử với những thành viên khác nằm bên ngoài cộng đồng của mình (Soto). Tinh thần Uchi và Soto thể hiện rất rõ trong giao tiếp của người Nhật, thể hiện qua một số hình thức như cách gọi tên, xưng hô trong gia đình, xã hội; sử dụng lối nói thân mật với dạng ngắn của từ và cách biểu đạt lịch sự, kính ngữ với các thành viên bên ngoài. Thông qua một số đoạn thoại, một số ngữ cảnh, cho sinh viên phân tích cách biểu hiện của Uchi và Soto, rèn luyện ý thức biểu đạt này trong giao tiếp bằng tiếng Nhật.

- Tài liệu học tập: 「ウチとソト言語文化学—文法を文化で切る—」、「日本人の言語行動パターン-ウチ・ソト・ヨソ意識」

➤ **Tư tưởng- tôn giáo Nhật Bản (3 tín chỉ)**

- Môn học tiên quyết: Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở

- Nội dung môn học: Giới thiệu những nét khái quát nhất về tôn giáo của Nhật Bản trong đó nêu rõ đặc trưng về sự dung nạp giữa các loại hình tư tưởng tôn giáo khác nhau như Thần đạo, Đạo phật và Thần thổ công của Nhật, cung cấp những từ vựng cơ bản nhất khi giới thiệu về văn hóa Nhật có liên quan đến tư tưởng và tôn giáo của Nhật. Phần lớn các lễ hội của Nhật bản đều bắt nguồn từ các tư tưởng về tôn giáo, tinh thần của xã hội Nhật Bản; bởi vậy, môn học cũng gợi mở cho sinh viên cách tiếp cận văn hóa lễ hội của Nhật Bản theo tinh thần này và hiểu được sâu xa hơn nguồn gốc của chúng cũng như những đổi thay trong xã hội Nhật Bản.

- Tài liệu học tập: Văn hóa Nhật những điều không thể không biết- nxb Hồng Đức 2014, 「日本タテヨコ – JAPAN AS IT IS」 「菊と刀日本文化の型」

➤ **Phỏng vấn xin việc vào công ty (3 tín chỉ)**

- Môn học tiên quyết: Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở

- Nội dung môn học: Cung cấp những kiến thức cơ bản về văn hóa phỏng vấn vào công ty Nhật, các loại hình phỏng vấn, các khâu chuẩn bị về mặt tinh thần, kỹ năng, kiến thức... trong đó có bảng 50 câu hỏi được xếp hạng từ thấp đến cao trong quy trình phỏng vấn, các biện pháp và kinh nghiệm, bí quyết để trả lời được 50 câu hỏi này; rèn luyện kinh nghiệm và tập dượt cho sinh viên chuẩn bị đi phỏng vấn tại các công ty lớn của Nhật.

- Tài liệu học tập: 「人気企業内停車に聞いた面接の質問‘でた順’50」、「就職活動ナビゲーション」

* **Sinh viên chọn học chuyên ngành Tiếng Nhật trong lĩnh vực Du lịch hoặc Tiếng Nhật trong lĩnh vực Kinh doanh (4 môn, 13 tín chỉ)**

● **Tiếng Nhật trong lĩnh vực Du lịch**

3.7.40. Nhập môn tiếng Nhật du lịch (3 tín chỉ)

- Môn học tiên quyết: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, Dịch Nhật-Việt và dịch Việt- Nhật bậc cơ sở, Văn hóa Nhật Bản qua các thời kì

- Nội dung môn học: Cung cấp những kiến thức cơ sở về ngành du lịch như các thuật ngữ được sử dụng trong nghề du lịch, hệ thống du lịch và vai trò kinh tế- xã hội của những ngành nghề liên quan đến lĩnh vực du lịch, cách thức vận hành các ngành nghề dịch vụ liên quan đến du lịch.

- *Tài liệu học tập*:「観光学入門」、「旅行業務取扱管理者」, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch-nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

3.7.41. Lựa chọn 1 trong 2 học phần

➤ Tiếng Nhật trong khách sạn, nhà hàng (4 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Nhập môn Tiếng Nhật du lịch

- *Nội dung môn học*: Đây là môn học lựa chọn dành cho lĩnh vực chuyên môn du lịch.

Phần lý thuyết cung cấp các từ vựng, các mẫu câu thường hay được sử dụng trong giao dịch với các khách sạn nhà hàng, từ việc đặt phòng, đặt món ăn... đến thông tin về các khách sạn, các giao dịch thực tế với nhân viên khách sạn, nhà hàng và rèn luyện sinh viên có thói quen cư xử đúng mực, nhã nhặn, lịch sự trong giao dịch với khách hàng.

Phần thực hành tạo điều kiện cho sinh viên đến thực tập, phiên dịch và dẫn khách đến một số khách sạn nổi tiếng và khách sạn được khách hàng Nhật yêu thích để thực hành những kiến thức đã được học và viết bài báo cáo rút kinh nghiệm, tổng kết về môn học.

- *Tài liệu học tập*: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch-nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch- NXB Văn hóa dân tộc, Thị trường du lịch- NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

➤ Tiếng Nhật tại một số điểm tham quan nổi tiếng (4 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Nhập môn Tiếng Nhật du lịch

- *Nội dung môn học*: Đây là môn học lựa chọn dành cho lĩnh vực chuyên môn du lịch.

Giảng viên lựa chọn một số điểm tham quan nổi tiếng về văn hóa và lịch sử của Hà Nội như Văn miếu, Lăng và khu nhà ở của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bảo tàng lịch sử, Hồ Gươm và Đền Ngọc Sơn, Hồ Tây và Chùa Trấn Vũ, bảo tàng dân tộc học của Hà Nội và cả một số điểm ẩm thực như quán ăn Ngon, một số quán cà phê của Hà Nội... để cung cấp vốn từ vựng, cách thức hướng dẫn khách du lịch Nhật khi đến tham quan Hà Nội. Môn học sẽ chia làm 2 phần lý thuyết và thực hành, cho sinh viên thực tập dẫn khách đi tham quan thực tế theo các nội dung đã được cung cấp ở lớp; cũng có thể cho sinh viên tự sáng tạo thêm những nội dung thực tế trong khi tìm hiểu về Hà Nội.

- *Tài liệu học tập*: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch-nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 101 tình huống đối với hướng dẫn viên du lịch- nxb Văn hóa dân tộc, Thị trường du lịch- nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hướng dẫn du lịch- trường ĐH KTQD

3.7.42. Những vấn đề trong du lịch Việt Nam đối với khách hàng Nhật (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Nhập môn Tiếng Nhật du lịch

- *Nội dung môn học*: Môn học lấy tư liệu là những phản ánh của khách hàng Nhật về một số tình huống thường gặp khi đến Việt Nam như thực trạng bị chào mời, nâng giá hoặc bị móc túi, bị mất ví... Đây là những mặt chưa tốt bên cạnh những mặt tích cực trong khi đi du lịch tại Việt Nam; Môn học cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng và cách biểu đạt về từng

vấn đề, cách nhìn nhận của người Nhật và cách ứng xử của hướng dẫn viên du lịch trong các tình huống này.

- *Tài liệu học tập*: Thị trường du lịch- NXBĐại học Quốc gia Hà Nội, Hướng dẫn du lịch- trường ĐH KTQD, www.tripadvisor.jp

3.7.43. Dịch thuật giới thiệu nhà hàng ẩm thực và các điểm tham quan nổi tiếng của Việt Nam cho khách hàng Nhật (3 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Nhập môn Tiếng Nhật du lịch, Dịch Việt-Nhật nâng cao.

- *Nội dung môn học*: Môn học tập trung vào kỹ năng dịch viết về các mảng ẩm thực và các địa danh nổi tiếng của Việt Nam, tập trung vào địa bàn Hà Nội; mỗi lĩnh vực (ẩm thực/ địa danh) lấy khoảng 10 đại diện làm mẫu học trên lớp; tổ chức sinh viên làm việc theo nhóm, từng nhóm lựa chọn mảng tư liệu mà mình ưa thích trong số các nội dung được giáo viên định hướng, dịch ra tiếng Nhật và trình bày trước tập thể lớp.

- *Tài liệu học tập*:「ガイドの日本語」、「観光学入門」、「旅行業務取扱管理者」, Cẩm nang du lịch Nhật Bản

- **Tiếng Nhật trong lĩnh vực Kinh doanh**

- **Đại cương về kinh doanh (3 tín chỉ)**

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành khối kiến thức cơ sở ngành, Dịch Nhật-Việt và dịch Việt-Nhật bậc cơ sở, thư tín email bằng tiếng Nhật, tiếng Nhật văn phòng

- *Nội dung môn học*: Cung cấp những kiến thức cơ sở, cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh như: thế nào được gọi là một công ty thương mại, chiến lược kinh doanh, quảng bá Marketing, thế giới sản xuất hàng hóa, hệ thống các quy tắc ứng xử, tiếp đón ở công ty, quản trị nhân lực và quản lý kinh doanh qua những con số thống kê liên quan đến sự phát triển công ty và kinh doanh...

- *Tài liệu học tập*: Giáo trình Đại cương về kinh doanh-ĐH HN

- **Tiếng Nhật trong giao dịch thương mại (4 tín chỉ)**

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Đại cương về kinh doanh

- *Nội dung môn học*: Cung cấp những tri thức cần thiết về tiếng Nhật được sử dụng trong lĩnh vực thương mại như lượng từ vựng chuyên ngành thương mại, ngôn ngữ trong đàm phán thương mại, các văn bản giao dịch thương mại, đặc biệt là một số văn bản, hợp đồng, thư tín thương mại... được sử dụng trong lĩnh vực này. Môn học được chia làm 2 phần lớn: Phần 1 là các kiến thức cơ sở về giao dịch thương mại và Phần 2 là các nghiệp vụ cụ thể trong giao dịch thương mại, từ việc chào hàng đến đặt hàng, giải quyết khiếu nại....

- *Tài liệu học tập*: Tiếng Nhật thương mại 貿易実務-Nguyễn Văn Hào, 「貿易のしくみ」、「わかる！使える！契約書の基本」、「貿易取引がよくわかる本」、「ビジネス契約書の見方・作り方・結び方」

- **Nhập môn về quản lý kế toán trong công ty Nhật (3 tín chỉ)**

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Đại cương về kinh doanh

- *Nội dung môn học*: Cung cấp kiến thức chung về 3 bậc trong kỳ thi đánh giá phân loại năng lực quản lý kế toán trong công ty do Bộ Công thương Nhật Bản phối hợp với các sở ngành công thương địa phương của Nhật tổ chức thực hiện, đặc biệt tập trung giới thiệu những kiến thức cơ bản, cơ sở nhất từ đầu đến bậc 3, bậc thấp nhất và cũng là bậc cung cấp các kiến thức cơ sở của ngành học. Nội dung môn học giới thiệu ý nghĩa và hệ thống của việc quản lý số liệu, sổ sách chứng từ kế toán. Các loại hình giao dịch, phương thức tính toán; các loại sổ sách quản lý, ý nghĩa và thủ tục quyết toán, các bảng biểu trong quản lý chứng từ, quyết toán...

- *Tài liệu học tập*: 「新検定簿記講義」

➤ **Dịch trong lĩnh vực thương mại (3 tín chỉ)**

- *Môn học tiên quyết*: Hoàn thành học phần Đại cương về kinh doanh

- *Nội dung môn học*: Lấy những tư liệu thực tế trong lĩnh vực thương mại làm tư liệu dịch Việt-Nhật và Nhật-Việt như các bài phát biểu chào hỏi trong các sự kiện, chương trình hợp tác thương mại, các nội dung được trao đổi tại các cuộc Hội nghị, Hội thảo về thương mại, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực thương mại điện tử như các vấn đề nổi cộm trong thương mại điện tử của Nhật, vấn đề quy chuẩn của luật pháp, chương trình hợp tác trao đổi thông tin thương mại điện tử giữa các cơ quan, dịch vụ điện toán đám mây, các thông tin cơ bản về thương mại điện tử của Việt Nam, các vấn đề liên quan đến một số ngành nghề dịch vụ thương mại của Việt Nam...

- *Tài liệu học tập*: Các trang web giới thiệu về pháp luật trong giao dịch điện tử của Việt Nam và Nhật Bản như law.e-gov.go.jp, www.moit.gov.vn, www.meti.go.jp...

7.3.44. Kỹ năng tổ chức sự kiện quốc tế (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Học phần giới thiệu một trong những nhiệm vụ quan trọng của cán bộ Quan hệ công chúng đó là tổ chức các sự kiện, nhằm đạt tới những mục tiêu truyền thông của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp. Học phần cung cấp lý thuyết và những trường hợp từ thực tiễn liên quan đến kỹ năng tổ chức như lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá sự kiện, quản lý ngân sách, nhân sự, thời gian, quảng bá, xử lý các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức họp báo, sự kiện thể thao, lễ hội, hội thảo ở các cấp độ, quy mô khác nhau

7.3.45. Kỹ năng giao tiếp và đàm phán đối ngoại (2 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Không

- *Nội dung môn học*: Học phần trình bày tri thức cơ bản về giao tiếp, gồm kiến thức về cơ sở lý thuyết của giao tiếp, phương tiện và phong cách giao tiếp, các hình thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản; kiến thức về nghệ thuật đàm phán. Học phần nhấn mạnh đặc trưng văn hoá có khả năng ảnh hưởng đến phong cách giao tiếp của người Việt Nam và người nước ngoài, và nghiên cứu những tình huống cụ thể, ví dụ tiêu biểu của việc ứng dụng văn hoá giao tiếp trong quá trình Quan hệ quốc tế.

7.3.46. Thực tập tốt nghiệp (4 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Học xong toàn bộ các môn học quy định trong chương trình.

- *Nội dung*: Yêu cầu sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học chuyên ngành vào thực tế công việc theo định hướng nghề nghiệp tại các cơ quan của Việt

Nam có liên quan đến Nhật Bản hoặc các doanh nghiệp/cơ quan Nhật Bản tại Việt Nam. Việc thực tập có thể được tiến hành tại Việt Nam hoặc tại Nhật Bản.

- *Tài liệu học tập*: Do sinh viên chủ động tìm kiếm và được bổ sung bằng sự hướng dẫn của phía tiếp nhận thực tập

7.3.47. Khóa luận tốt nghiệp (10 tín chỉ)

- *Môn học tiên quyết*: Học xong toàn bộ các môn học quy định trong chương trình.

- *Nội dung*: Sinh viên lựa chọn các đề tài có liên quan đến kiến thức sâu trong các môn học thuộc khối chuyên ngành, tiến hành các bước nghiên cứu, phát triển nội dung quan tâm theo hướng nghiên cứu vấn đề và giải quyết vấn đề từ góc độ lý luận và thực tiễn.

- *Tài liệu học tập*: Linh hoạt theo vấn đề do sinh viên và giáo viên hướng dẫn quyết định.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Sinh viên được hướng dẫn chọn các chủ đề làm bài tập, bài tiểu luận sát với thực tế đề thông qua đó có hiểu biết sâu sắc hơn về kiến thức môn học và tăng khả năng áp dụng vào công việc sau khi tốt nghiệp.

- Chương trình được thực hiện theo mô hình đào tạo theo năng lực, gắn đào tạo lý thuyết với tham quan thực tế thông qua môi liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, sinh viên có thể tham gia các chương trình internship có lương ngay trong thời gian học.

- Đội ngũ giảng viên bao gồm giảng viên Việt Nam và giảng viên Nhật Bản tham gia giảng dạy nhằm giúp sinh viên tăng cường kiến thức về ngữ âm, khả năng giao tiếp, được hội thoại thực tế với người Nhật và tìm hiểu sâu về văn hóa của Nhật Bản.

- Phương thức giảng dạy theo mô hình giúp sinh viên được thực hành sử dụng các từ vựng, mẫu câu ngay sau khi được giáo viên chỉ dạy, thực hành thực tế trực quan trong các giờ học. Kết thúc mỗi bài học, sẽ định kỳ tiến hành các bài test nhỏ tổng kết, ghi nhớ lại một lần nữa một số nội dung kiến thức đã học trong ngày và một số bài tập để tự học, tự luyện tại nhà cho sinh viên.

- Học cụ không chỉ sử dụng sách giáo khoa mà còn sử dụng các học cụ thực tế, các video, các website, tranh ảnh liên quan... để sinh viên dễ tiếp cận, dễ nhớ và thông qua các hoạt động trong và ngoài lớp học giúp sinh viên rèn luyện phản ứng giao tiếp nhanh nhạy, dễ nhớ các mẫu câu các từ vựng đã học đồng thời giúp tinh thần học tập được nâng cao.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tiến Luận